

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 1018: Lại Nói: “Tuy Nhiên, Do Sức Cẩn Lành Từ Bi Từ Thuở Xưa...”

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 088)

Chuyển ngữ: Tịch Minh



【Lại nói: Tuy nhiên, do sức cẩn lành từ bi từ thuở xưa, đối với các loài hữu tình kia, tùy theo căn tánh, ý nhạo, thắng giải của họ, mà chẳng khởi tâm phân biệt, tùy duyên tế độ, chỉ dạy làm cho họ được lợi ích và niềm hoan hỷ, dẫn đến tận cùng đời vị lai cũng không bao giờ cùng tận.】

Ý nghĩa của đoạn này hoàn toàn tương ứng với phẩm “Phổ Hiền Hạnh Nguyên” trong kinh Hoa Nghiêm. Nó cũng giải thích lý do tại sao chư Phật chẳng bao giờ khởi tâm động niệm khi thuyết pháp độ sanh, từ trước đến nay đều không hề khởi niệm. “Tuy nhiên” (Do nhiên) ở đây chính là một cách hết sức tự nhiên, không có một mảy may miễn cưỡng nào. Sự tự nhiên này bắt nguồn từ đời quá khứ, “thuở xưa” chính là trong các đời quá khứ, nhờ vào sức mạnh của căn lành từ bi.

Sức mạnh của căn lành từ bi này, chính là việc đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã phát nguyện độ chúng sanh, giống như hiện tại chúng ta nương theo Tứ Hoàng Thệ Nguyên của cổ Phật mà phát nguyện vậy. Nguyên thứ nhất là “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, đây chính là thệ nguyện từ bi to lớn được phát ra trong thời kỳ tu nhân. Sau khi thành Phật, mà chẳng phải đợi đến lúc thành Phật đâu, nói một cách chân thật, dựa trên giáo nghĩa của kinh Kim Cang, thì ngay khi phá được một phẩm vô minh, chúng được một phần pháp thân — đây là địa vị Sơ Trụ Bồ tát của Viên Giác — bắt đầu từ lúc này trở đi, Bồ tát đã không còn khởi niệm nữa rồi. Theo tiêu chuẩn của kinh Kim Cang, khi Tứ tướng và Tứ kiến đã bị đoạn trừ sạch sẽ, không còn nữa, thì liền chứng được quả vị Sơ Trụ Bồ tát của Viên Giác, phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân.

Vị Bồ tát như vậy, ở trong mười phương pháp giới thì cũng giống y như quả vị Như Lai, cảm ứng đạo giao; chúng sanh có “cảm”, thì Bồ tát liền có “ứng”. Trong tâm trí chúng sanh mong cầu Phật đến giáo hóa họ, “đáng dùng thân Phật để độ thoát”, thì Ngài tự nhiên liền hiện thân Phật. Về việc Bồ tát hiện thân phận gì, thì giống như trong phẩm Phổ Môn có nói đến ba mươi hai Ứng thân của Quán Thế Âm Bồ tát. Ba mươi hai Ứng thân ấy đều không có tâm niệm, không hề tác ý. Làm gì có cái ý niệm rằng: “Ta cần phải hiện cái thân gì”! Mà đó là sự cảm ứng đạo giao một cách vô cùng tự nhiên với hết thảy chúng sanh. Hơn nữa, cái “cảm” của chúng sanh cực kỳ vi tế, điều này chúng ta cần phải biết rõ.

Lấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm ví dụ, Thế Tôn năm xưa xuất hiện ở thế gian chúng ta, thị hiện thành Phật, ban đêm nhìn thấy sao mai mọc mà ngộ đạo thành Phật. Ngài thành Phật rồi, nhưng người ta nhìn vào chỉ thấy một vị xuất gia đang ngồi thiền dưới cội Bồ đề, nào ai biết được Ngài đã thành Phật? Ai sẽ đến thân cận Ngài, thỉnh cầu Ngài thuyết pháp độ sanh? Không có ai cả, không một ai nhận ra Ngài. Trong lúc này, nếu như không có người thừa thỉnh, thì Phật sẽ lập tức nhập Bát Niết Bàn, sẽ ra đi, phàm phu nhục nhãn chúng ta sẽ chẳng hề hay biết việc Phật đã ứng hóa ở thế gian. Từ đó có thể thấy, con người thế gian này, cũng như việc về sau Phật giáo hóa nhiều chúng sanh đến như vậy, tất cả đều là nhờ sự cơ cảm (căn cơ và cảm ứng).

Cái “cảm” này của chúng ta, thậm chí ngay cả chính chúng ta cũng không hề hay biết, nó giống hệt như sóng điện vậy, quá ư yếu ớt, tự mình cũng chẳng phát hiện ra, thế nhưng ở chỗ của chư Phật thì lại cảm động đến, Phật liền có “ứng”. Thế nhưng Phật hiện thân, vẫn luôn cần phải có người thừa thỉnh. Thế gian không có ai thỉnh pháp, thì có các vị Bồ tát đến giúp đỡ. Các vị Bồ tát biến hóa thành người trời Tịnh Cư. Trời Tịnh Cư tức là Tứ Thiên. Tứ Thiên rất đặc biệt. Tứ Thiên có chín tầng trời, ngoài ba tầng trời thông thường ra, còn có một cõi trời ngoại đạo, gọi là trời Vô Tướng. Đó là cõi trời của ngoại đạo, những người tu pháp Vô Tướng Định sẽ vãng sanh về đó. Những cõi này đều là cõi trời phàm phu, bốn tầng này là cõi trời phàm phu; ngoài bốn tầng trời này ra, lại còn có năm tầng trời nữa, gọi là Ngũ Bất Hoàn Thiên.

Ở trong đó đều là những người tu hành, Đại thừa hay Tiểu thừa thầy đều có. Những vị này thì biết, họ có thiên định rất sâu; nói cách khác, những cảm động cực kỳ vi tế họ đều phát hiện được. Vừa quán sát liền thấy: “Phật đã thành Phật rồi, việc này trọng đại biết bao!”. Thấy không có ai thừa thỉnh, các Ngài

liền vội vàng giảng hạ, biến hóa thành thân người để thỉnh Phật thuyết pháp. Nhờ vậy Phật mới trụ lại thế gian, không nhập Bát Niết Bàn. Người trời Tịnh Cư đã thay mặt chúng ta để thưa thỉnh. Đợi đến khi Ngài vừa mở lời thuyết pháp, chúng ta lúc này mới biết được vị này thật phi thường, vị này có học vấn, có đạo đức, chúng ta nên theo học với Ngài. Đây là những điều chúng ta thấy được trong kinh điển. Cho nên, sức mạnh cảm ứng ở thuở ban sơ là khá yếu ớt (*).

“Đối với các loài hữu tình kia”, những hữu tình này chính là những chúng sanh có cái “cảm”, cũng tức là nói những chúng sanh có cơ duyên đã chín muồi, có duyên với Phật. Tất cả mọi người chúng ta cùng với chư Phật thầy đều có duyên, chỉ là duyên mỏng hay dày không giống nhau, cạn hay sâu không giống nhau. Duyên cạn thì vừa tiếp xúc với Phật pháp, nghe kinh được vài lần liền không đến nữa, đó là duyên cạn; nghe xong một bộ kinh mà vẫn lưu luyến không muốn rời, vẫn còn muốn nghe tiếp, đó là duyên sâu. Cơ duyên có cạn sâu khác biệt, đây là một cách nói.

Lại còn một cách nói khác: Người có duyên sâu, thì ngay trong đời này liền chứng quả, chứng quả ngay trong một đời; người có duyên hơi cạn, thì trong đời này được khai ngộ nhưng chưa thể chứng quả; người có duyên cạn hơn chút nữa, thì trong đời này họ có thể hành thiện, có thể tu phước, nhưng không thể khai ngộ. Đây lại là một cách giải thích khác. Nói tóm lại, duyên phận với chư Phật có sự sâu cạn, dày mỏng khác nhau.

“Đối với các loài hữu tình kia”, tùy theo căn tính của họ, tùy theo “ý nhạo” của họ. “Ý nhạo” tức là sự yêu thích của họ. Thế Tôn năm xưa khi còn tại thế, vì sao lại giảng nhiều kinh điển đến như vậy, thuyết nhiều pháp môn đến như vậy? Đó là để tùy thuận theo căn tánh của chúng sanh, tùy thuận theo sở thích của chúng sanh. Cái “ý nhạo” này chính là sở thích. Lại còn phải tùy thuận theo “thăng giải” của chúng sanh, tức là mức độ mà họ có thể thấu hiểu được. Có một số bộ kinh giảng rất sâu xa, nhiều người không thể hiểu thấu, chỉ có một số ít người hiểu; nhưng đối với số ít người ấy, Phật cũng không bao giờ ruồng bỏ họ (**). Có một số người trí huệ tương đối kém cỏi hơn một chút, căn tánh chậm chạp ngu độn, thì Phật liền giảng cạn hơn một chút cho họ. Điều này nói lên rằng, hết thầy căn khí lớn nhỏ, sâu cạn khi gặp được Phật, chư Phật vì họ mà thuyết pháp thì họ đều có thể đạt được lợi ích.

Phật thuyết pháp tùy theo căn tánh, ý nhạo, và thắng giải của chúng sanh, thấy đều là tự nhiên, thấy đều là vô niệm, “chẳng khởi phân biệt”. Chẳng khởi phân biệt tức là vô niệm, thấy đều là vô niệm. Thấy đều là một cách hết sức tự nhiên, “tùy duyên tế độ”. “Tế” là cứu tế, “độ” là giúp đỡ họ, giúp đỡ hết thấy chúng sanh.

“Chỉ dạy làm cho họ được lợi ích và niềm hoan hỷ”, câu này là nói về những chúng sanh tiếp nhận sự giáo đạo của Phật, những lợi ích mà họ đạt được. Vừa rồi đã nói qua, người có căn khí lớn, duyên sâu, thì được lợi ích lớn; người có căn cơ cạn, duyên mỏng, thì được lợi ích nhỏ. Thế nên Phật pháp mới có Ngũ thừa: Nhân (người), Thiên (trời), Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ tát. Đây là cách phân loại tổng quát, nếu phân chia chi tiết ra thì vô cùng nhiều. Dạy bảo cho chúng sanh, “lợi” là lợi ích, khiến cho họ đạt được lợi ích, khiến cho họ có được pháp hỉ, có được sự an vui.

Hai câu ở đoạn cuối: “Dầu đến tận cùng đời vị lai cũng không bao giờ cùng tận”. Bắt đầu từ quả vị Sơ Trụ của Viên Giác, cho đến tận quả vị cứu cánh, sự ứng hóa của các Ngài đều là trọn khắp hư không, trọn khắp pháp giới. Nơi nào có “cảm”, nơi đó liền có “ứng”, cảm ứng đạo giao thật không thể nghĩ bàn!

Chú thích:

(*): Lão Hòa thượng đang kể về giai đoạn Đức Phật Thích Ca vừa mới thành đạo dưới cội Bồ đề. Lúc bấy giờ, phàm phu không ai biết Ngài đã thành đạo, nên không có ai đến “thỉnh pháp”. Cái tâm mong cầu thăm kín của chúng sanh lúc đó cực kỳ vi tế, giống hệt như sóng điện vậy, quá yếu ớt, tự mình cũng chẳng phát hiện ra. Vì sự giao cảm này ban đầu quá mỏng manh, không ai thừa thỉnh, nên Phật định nhập Niết bàn.

(**): “Số ít người” ở đây chính là những chúng sanh thượng căn thượng trí. Vì pháp môn quá thâm sâu (ví dụ như chính bộ Kinh Kim Cang này), phần đông đại chúng sẽ không hiểu được, chỉ có một nhóm rất nhỏ (số ít) là có thể lãnh hội. Lão Hòa thượng nhấn mạnh lòng từ bi vô lượng của chư Phật: Ngài không chạy theo số đông; dù chỉ có một vài người (số ít) có thể hiểu được pháp môn tối thượng thừa, Phật vẫn vì họ mà thuyết giảng, không hề bỏ mặc họ.